

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-KTVLXD

Đắk Lắk, ngày tháng 3 năm 2023

V/v thông báo điều chỉnh giá
vật liệu xây dựng, giá nhiên
liệu xăng, dầu.

Kính gửi:

- Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;
- UBND các huyện, thị xã, Tp Buôn Ma Thuột;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn Đắk Lắk.

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ vào tình hình diễn biến giá vật liệu xây dựng, giá nhiên liệu xăng, dầu trên thị trường, Sở Xây dựng Đắk Lắk công bố điều chỉnh vật liệu xây dựng, giá nhiên liệu xăng dầu (*Chưa có thuế giá trị gia tăng*) trong Công văn số 495/SXD-KTVLXD ngày 15/3/2023 của Sở Xây dựng về việc công bố giá vật liệu xây dựng tháng 3/2023 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo trong việc xác định giá xây dựng công trình như sau:

1. Giá nhiên liệu xăng dầu áp dụng kể từ 15 giờ 00 phút ngày 21/3/2023:

- Xăng không chì Mogas 95-III: 21.355 đồng/lít;
- Xăng sinh học E5 RON 92-II: 20.418 đồng/lít;
- Dầu Diesel 0,05S-II: 17.891 đồng/lít;
- Dầu hỏa: 18.036 đồng/lít;
- Dầu Mazut N⁰2B (3,5S): 13.409 đồng/kg.

2. Giá đá xây dựng tại mỏ đá Phục Hưng, thôn độc lập, xã Chư Kô, huyện Krông Búk áp dụng kể từ ngày 21/3/2023 đến khi có thông báo giá mới:

- Đá hộc: 250.000 đồng/m³.
- Đá dăm 4x6 (SX máy): 280.000 đồng/m³.
- Đá dăm 2x4: 291.000 đồng/m³.
- Đá dăm 1x2: 320.000 đồng/m³.

- Đá 0,5 x 1: 300.000 đồng/m³.
- Cấp phối đá dăm Dmax 25mm: 300.000 đồng/m³.
- Cấp phối đá dăm Dmax 37,5mm: 280.000 đồng/m³.

3. Giá thép xây dựng tại chân công trình trong tỉnh Đắk Lắk áp dụng kể từ ngày 22/3/2023 đến khi có thông báo giá mới:

- Thép Ø6 CB240-T: 16.600 đồng/kg;
- Thép Ø8 CB240-T: 16.600 đồng/kg;
- Thép thanh vằn Ø10 GR40-V: 16.650 đồng/kg;
- Thép thanh vằn Ø16 GR40-V: 16.500 đồng/kg;
- Thép thanh vằn Ø12 - Ø20 CB300-V: 16.500 đồng/kg;
- Thép thanh vằn Ø10 CB400-V: 16.850 đồng/kg;
- Thép thanh vằn Ø12 - 32 CB400-V: 16.700 đồng/kg;
- Thép thanh vằn Ø10 CB500-V: 16.950 đồng/kg;
- Thép thanh vằn Ø12 - 32 CB500-V: 16.800 đồng/kg;

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng Đắk Lắk để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, các PGD Sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KTVLXD (Q.10b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Hồng Vinh